

Số: /BC-KTNS

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề về tình hình và kết quả thực hiện dự toán ngân sách trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 đến 2022.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/ 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; Chương trình công tác trọng tâm năm 2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã giám sát chuyên đề “Tình hình và kết quả thực hiện dự toán ngân sách trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 đến 2022” tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương⁽¹⁾.

Do trong năm 2022 Ban Kinh tế - Ngân sách đã có cuộc giám sát về tình hình và kết quả thực hiện chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2021 nên cuộc giám sát này chủ yếu tập trung vào dự toán chi thường xuyên. Bên cạnh đó, để phản ánh thông tin được đầy đủ, toàn diện hơn Đoàn giám sát đã cập nhật một số nội dung ngoài mốc giám sát. Kết quả giám sát như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác áp dụng và ban hành văn bản quy định về thực hiện dự toán ngân sách

Giai đoạn từ năm 2017-2022, quy trình lập, phân bổ và thực hiện dự toán ngân sách trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 (có hiệu lực từ 01/01/2017); Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; các thông tư hướng dẫn lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính; các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính giao dự toán NSNN hàng năm và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Trong mốc giám sát, việc triển khai thực hiện dự toán ngân sách của các đơn vị trải qua 2 thời kỳ ổn định ngân sách theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 đó là:

(1) - Giám sát trực tiếp: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục thuế, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở KHCN, Sở NN&PTNT, Sở GTVT, Sở Văn hoá, UBND các huyện: Minh Hoá, Lệ Thủy; Trường Cao đẳng CNN; Trung tâm y tế huyện Quảng Ninh, Trường THPT Đào Duy Từ, Trường Tiểu học Đồng Phú.
- Giám sát qua báo cáo: các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Du lịch, Thông tin truyền thông, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Cục Hải Quan, BQL vườn QG PNKB, Chi cục Kiểm lâm, Trường Cao đẳng nghề; UBND TP Đồng Hới, thị xã ba Đồn và các huyện còn lại.

Thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, kéo dài sang năm 2021, HĐND tỉnh đã ban hành các nghị quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách địa phương sang năm 2021 và một số nghị quyết sửa đổi, bổ sung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách².

Năm 2022 là năm đầu thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, HĐND tỉnh đã ban hành các nghị quyết: số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025; số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, áp dụng cho thời kỳ 2022-2025.

Theo quy định, vào kỳ họp thường lệ cuối mỗi năm, HĐND tỉnh ban hành các nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau của tỉnh; phân bổ vốn đầu tư phát triển (nguồn ngân sách tỉnh quản lý) và thông qua dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm sau cho các cơ quan, đơn vị thuộc nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh ban hành các quyết định giao vốn nhằm cụ thể hóa nghị quyết của HĐND tỉnh và giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện, cụ thể hoá các Văn bản của Bộ, ngành TW, các Nghị quyết của HĐND tỉnh về dự toán ngân sách, UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành nhiều văn bản quản lý, chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị, địa phương, các chủ đầu tư về công tác xây dựng, phân bổ và chấp hành dự toán ngân sách hàng năm và trong từng thời kỳ ổn định ngân sách.

2. Tình hình xây dựng, giao và thực hiện dự toán

2.1. Công tác xây dựng dự toán, thẩm định dự toán

Hàng năm, căn cứ vào các quy định của pháp luật có liên quan, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn xây dựng dự toán của Bộ Tài chính, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách và tình hình thực hiện dự toán năm trước, UBND tỉnh có chỉ thị và giao Sở Tài chính hướng dẫn lập dự toán, tổng hợp, thẩm định và xây dựng dự toán ngân sách tỉnh. Dự toán ngân sách tỉnh được lập trên cơ sở tổng hợp dự toán ngân sách của các cơ quan,

² Các Nghị quyết: số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Quảng Bình năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020; số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Quảng Bình năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020; số 69/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020 sang năm 2021 và lùi thời gian ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2021 để áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách mới. Các NQ sửa đổi, bổ sung số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016, gồm: các Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, số 55/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 và Nghị quyết số 65/2020/NQ-HĐND ngày 05/06/2020.

đơn vị, địa phương; theo từng lĩnh vực thu, chi và theo cơ cấu giữa chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ,...

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm trước; dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ tăng trưởng kinh tế và nguồn thu năm hiện hành đối với từng ngành, lĩnh vực cụ thể, các cơ sở kinh tế, các chương trình dự án sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tình hình hoạt động của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị xã hội Đảng, Đoàn thể ... Đồng thời có tính đến các khoản thu, chi ngân sách theo các chương trình, dự án mới, các chế độ chính sách hiện hành và những chế độ, chính sách mới ban hành. Các Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực trong việc tổng hợp, thẩm định, tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng dự toán ngân sách; cân đối các nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách hàng năm trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Dự toán thu ngân sách qua các năm được xây dựng trên cơ sở dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và nguồn thu năm hiện hành đối với từng ngành, từng lĩnh vực, các cơ sở kinh tế của tỉnh. Đồng thời có tính đến các khoản thu ngân sách theo các chính sách, chế độ hiện hành và những chế độ, chính sách mới.

Các năm 2017, 2022 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, Sở Tài chính đã làm việc với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh về dự toán chi ngân sách, phân bổ dự toán đúng chế độ, định mức, phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nội dung dự toán chi thường xuyên gồm chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và chi hoạt động khác. Quá trình xây dựng dự toán đảm bảo nguyên tắc đúng tính chất nguồn kinh phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cắt giảm các khoản chi không cần thiết.

2.2. Công tác giao dự toán

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; nhiệm vụ thu, chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách, mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho từng huyện, thành phố.

Việc phân bổ dự toán chi ngân sách các năm cơ bản ổn định, có bổ sung để thực hiện các chính sách, chế độ mới theo quy định của Chính phủ như: chính sách an sinh xã hội, cải cách tiền lương, các chế độ chính sách khác do HĐND tỉnh ban hành.

Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách cơ bản ổn định và có một số điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Việc phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển giai đoạn 2017 - 2022 bảo đảm theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ đã được HĐND tỉnh quy định.

2.3. Kết quả thực hiện dự toán ngân sách

2.3.1. Về thu ngân sách

Kết quả thực hiện thu ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2022 cụ thể như sau:

- Năm 2017: Tổng thu 3.779,932 tỷ đồng, đạt 128,74% dự toán Trung ương giao và 116,31% dự toán địa phương giao. Trong đó, thu cân đối ngân sách 3.649,583 đồng, đạt 116,04% dự toán địa phương giao; thu từ xuất nhập khẩu 130,349 tỷ đồng, đạt 124,14% dự toán địa phương giao.

- Năm 2018: Tổng thu 4.131,432 tỷ đồng, đạt 137,49% dự toán Trung ương giao và 118,04% dự toán địa phương giao. Trong đó, thu cân đối ngân sách 3.930,12 đồng, đạt 116,62% dự toán địa phương giao; thu từ xuất nhập khẩu 201,312 tỷ đồng, đạt 154,86% dự toán địa phương giao.

- Năm 2019: Tổng thu 5.964,743 tỷ đồng, đạt 154,73% dự toán Trung ương giao và 132,55% dự toán địa phương giao. Trong đó, thu cân đối ngân sách 5.750,792 đồng, đạt 133,43% dự toán địa phương giao; thu từ xuất nhập khẩu 213,951 tỷ đồng, đạt 112,61% dự toán địa phương giao.

- Năm 2020: Tổng thu 6.029,757 tỷ đồng, đạt 135,08% dự toán Trung ương giao và 109,63% dự toán địa phương giao. Trong đó, thu cân đối ngân sách 5.834,569 đồng, đạt 112,2% dự toán địa phương giao; thu từ xuất nhập khẩu 195,188 tỷ đồng, đạt 65,06% dự toán địa phương giao.

- Năm 2021: Tổng thu 7.136,81 tỷ đồng, đạt 162,44% dự toán Trung ương giao và 131,47% dự toán địa phương giao. Trong đó, thu cân đối ngân sách 6.413,734 đồng, đạt 153,5% dự toán địa phương giao; thu từ xuất nhập khẩu 723,076 tỷ đồng, đạt 336,31% dự toán địa phương giao.

- Năm 2022: Tổng thu 8.350,708 tỷ đồng, đạt 166,95% dự toán Trung ương giao và 139,18% dự toán địa phương giao. Trong đó, thu cân đối ngân sách 8.137,184 đồng, đạt 145,31% dự toán địa phương giao; thu từ xuất nhập khẩu 213,524 tỷ đồng, đạt 53,38% dự toán địa phương giao.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trong mốc thời gian giám sát đều vượt dự toán giao hàng năm, tốc độ tăng bình quân 7%/năm, điều này ghi nhận sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trên địa bàn thời gian qua đã đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước, thể hiện sự nỗ lực lớn của các cơ quan, ban, ngành, các đơn vị, địa phương trong tỉnh; các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp và nhà đầu tư trên địa bàn, đặc biệt là đóng góp của ngành thuế và nguồn vượt thu từ tiền sử dụng đất. Ngoài ra còn có một phần không nhỏ là do ngân sách Trung ương bổ sung thêm ngoài dự toán, và kinh phí chuyển nguồn ngân sách hàng năm tăng dần.

Đối với các nguồn thu trong cân đối ngân sách: Tỷ trọng thu lĩnh vực Công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh chiếm 11,4%, thuế bảo vệ môi trường chiếm 7,2%, thu tiền sử dụng đất chiếm 51,5% và các khoản thu khác chiếm tỷ trọng 29,9%. Tính chung các năm, có 12/15 khoản thu hoàn thành dự toán; một số khoản thu không đạt dự toán gồm thu doanh nghiệp nhà nước (thu doanh nghiệp nhà nước TW và thu doanh nghiệp nhà nước địa phương), thuế bảo vệ môi trường, thu cấp quyền khai thác khoáng sản.

2.3.2. Về chi ngân sách

Tổng chi ngân sách qua các năm từ 2017-2022 như sau:

- Năm 2017: thực hiện 9.250,459 tỷ đồng, đạt 116,56% dự toán trung ương giao, đạt 112,13% dự toán địa phương giao. Trong đó: Chi đầu tư phát triển thực hiện 3.013,808 tỷ đồng, đạt 153,55% dự toán trung ương giao, đạt 138,89% dự toán địa phương giao; Chi thường xuyên thực hiện 6.235,651 tỷ đồng, đạt 113,15% dự toán trung ương giao, đạt 111,24% dự toán địa phương giao.

- Năm 2018: thực hiện 10.490,271 tỷ đồng, đạt 104,87% dự toán trung ương giao, đạt 100,42% dự toán địa phương giao. Trong đó: Chi đầu tư phát triển thực hiện 4.125,561 tỷ đồng, đạt 97,91% dự toán trung ương giao, đạt 114,1% dự toán địa phương giao; Chi thường xuyên thực hiện 6.363,71 tỷ đồng, đạt 112,8% dự toán trung ương giao, đạt 98,63% dự toán địa phương giao.

- Năm 2019: thực hiện 11.143,145 tỷ đồng, đạt 110,44% dự toán trung ương giao, đạt 103,8% dự toán địa phương giao. Trong đó: Chi đầu tư phát triển thực hiện 4.381,497 tỷ đồng, đạt 116,03% dự toán trung ương giao, đạt 124,47% dự toán địa phương giao; Chi thường xuyên thực hiện 6.760,648 tỷ đồng, đạt 110,19% dự toán trung ương giao, đạt 97,26% dự toán địa phương giao.

- Năm 2020: thực hiện 12.271,508 tỷ đồng, đạt 102,79% dự toán trung ương giao, đạt 95,17% dự toán địa phương giao. Trong đó: Chi đầu tư phát triển thực hiện 5.217,112 tỷ đồng, đạt 100,21% dự toán trung ương giao, đạt 108,13% dự toán địa phương giao; Chi thường xuyên thực hiện 7.053,396 tỷ đồng, đạt 107,69% dự toán trung ương giao, đạt 90,75% dự toán địa phương giao.

- Năm 2021: thực hiện 13.325,306 tỷ đồng, đạt 115,73% dự toán trung ương giao, đạt 108,65% dự toán địa phương giao. Trong đó: Chi đầu tư phát triển thực hiện 5.941,426 tỷ đồng, đạt 121,05% dự toán trung ương giao, đạt 122,92% dự toán địa phương giao; Chi thường xuyên thực hiện 7.382,88 tỷ đồng, đạt 115% dự toán trung ương giao, đạt 102,41% dự toán địa phương giao.

- Năm 2022: thực hiện 12.487,423 tỷ đồng, đạt 97,95% dự toán trung ương giao, đạt 92,31% dự toán địa phương giao. Trong đó: Chi đầu tư phát triển thực hiện 5.302,116 tỷ đồng, đạt 92,84% dự toán trung ương giao, đạt 84,58% dự toán địa phương giao; Chi thường xuyên thực hiện 7.182,532 tỷ đồng, đạt 105,66% dự toán trung ương giao, đạt 104,34% dự toán địa phương giao.

Qua giám sát về chi ngân sách các năm thấy rằng:

- Chi đầu tư phát triển từ năm 2018 - 2022 không đạt dự toán; tổng số vốn kéo dài là 2.271.233 triệu đồng, bằng 14% tổng số kế hoạch vốn bố trí mới hằng năm; tỷ lệ giải ngân đạt thấp: tổng số vốn bố trí mới giải ngân giai đoạn 2017-2022 là 10.964.654 triệu đồng, đạt 69% kế hoạch vốn giao (vốn trong nước đạt 86%, vốn ngoài nước đạt 14%).

- Đối với chi thường xuyên vượt dự toán chủ yếu do phát sinh thêm nhiệm vụ mới nên được cấp bổ sung kinh phí để thực hiện đồng thời được TW cấp bổ sung kinh phí để cải cách tiền lương, thực hiện một số chế độ, chính sách, về an

sinh xã hội và hỗ trợ khắc phục thiên tai, bão lụt hàng năm.

- Về cơ bản, việc chấp hành dự toán tại các cơ quan nhà nước, đơn vị dự nghiệp công lập và các đơn vị sử dụng ngân sách đã chủ động xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ gửi cơ quan quản lý tài chính cùng cấp để kiểm tra, giám sát thực hiện; đồng thời hàng năm đã kịp thời bổ sung, điều chỉnh nội dung và định mức chi phù hợp, tiết kiệm; sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; thực hiện tự kiểm soát chi theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, phát huy hiệu quả sử dụng vốn.

(Chi tiết thu, chi ngân sách giai đoạn 2017-2022 có Phụ lục 1 kèm theo)

2.4. Công tác quyết toán, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm

Công tác quyết toán thu, chi ngân sách đã được Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan và Kho bạc Nhà nước tỉnh phối hợp thực hiện. Nguồn kinh phí chi thường xuyên tại các cơ quan, đơn vị đều được cơ quan quản lý tài chính thực hiện kiểm tra, quyết toán hàng năm theo đúng quy định. Kết quả kiểm toán cho thấy báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của tỉnh đảm bảo các quy định và có độ chính xác cao. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn một số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đang tiếp tục thực hiện hoặc vẫn chưa được thực hiện³.

Trong mốc giám sát, ngành tài chính tiến hành 38 cuộc thanh tra, kiểm tra và đã phát hiện sai phạm 26.227 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 16.327 triệu đồng; kiến nghị khác 9.900 triệu đồng. Số tiền đã thu hồi 11.670 triệu đồng, đạt tỷ lệ 71,47%.

Công tác thanh tra, kiểm tra của ngành thuế và hải quan được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, đồng bộ từ trên xuống dưới, góp phần tích cực vào việc hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách của tỉnh⁽⁴⁾.

Kho bạc Nhà nước đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra tại các đơn vị, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời nhiều sai sót về công tác kế toán và quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước. Thông qua kiểm soát chi, Kho bạc Nhà nước đã kịp thời phát hiện hướng dẫn và đề nghị các đơn vị sử dụng ngân sách điều chỉnh, bổ sung hồ sơ, chứng từ để đảm bảo các khoản chi chấp hành đúng trình tự, thủ tục, và đúng chế độ quy định.

3. Việc ban hành và triển khai các nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan đến các chế độ, chính sách

Giai đoạn 2017 - 2022 ngoài các nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi, HĐND tỉnh đã ban hành một số nghị quyết liên quan đến chế độ, chính sách, phụ cấp nhằm thể chế hoá các quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành TW,

³ Văn bản số 290/KVII-TH ngày 07/11/2023 của Kiểm toán nhà nước khu vực II về việc thực hiện kiến nghị kiểm toán.

⁽⁴⁾ Riêng ngành Thuế: tiến hành thanh tra, kiểm tra 3.974 lượt doanh nghiệp. Tổng số tiền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra là 364,8 tỷ đồng, trong đó: số thuế truy thu và xử phạt là 255,5 tỷ đồng, giảm khấu trừ là 109,3 tỷ đồng. Qua thanh tra, iểm tra cũng kiến nghị điều chỉnh giảm lỗ 1.218 tỷ đồng. Đã đôn đốc thu nộp sau thanh tra, kiểm tra vào ngân sách nhà nước đạt trên 90%.

ngoài ra, còn có một số nghị quyết có tính chất đặc thù, xuất phát từ tình hình thực tiễn của địa phương, thể hiện sự quan tâm của tỉnh đối với một số ngành, lĩnh vực, đối tượng cụ thể, như: Thăm, tặng quà đối với người có công, thân nhân người có công và hộ nghèo; miễn, giảm học phí, miễn, giảm phí tham quan; hỗ trợ kinh phí cho công an viên xã bán chuyên trách, kinh phí cho lực lượng dân phòng, dân quân tự vệ, chính sách học bổng học sinh dân tộc nội trú, kinh phí tiền lương cho hợp đồng giáo viên ngoài biên chế, ...

Để đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách, ngân sách tỉnh phải tiết kiệm chi hoạt động, các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, duy tu, bảo dưỡng... Trong điều kiện nguồn lực của tỉnh còn khó khăn, nhưng các chính sách đặc thù do HĐND tỉnh ban hành đã phát huy hiệu lực, hiệu quả, góp phần động viên về vật chất, tinh thần cho các đối tượng tác động.

4. Đánh giá chung

Tỉnh Quảng Bình là địa phương chưa tự cân đối được thu chi ngân sách, hàng năm nhận bổ sung thêm nhiều ngân sách từ trung ương. Giai đoạn 2017-2022, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, UBND tỉnh đã có sự nỗ lực rất lớn trong thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách. Công tác quản lý và điều hành ngân sách của UBND tỉnh đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, linh hoạt và phù hợp với tình hình thực tế.

Việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước qua các năm đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của các ngành, lĩnh vực, địa phương; đảm bảo đúng chế độ, chính sách của nhà nước và trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí. Việc giao dự toán ngân sách nhà nước bảo đảm trình tự theo quy định của Luật NSNN.

Trong quá trình thực hiện dự toán, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã có sự phối hợp khá tốt. Hầu hết địa phương có số thu vượt dự toán. Nhiều doanh nghiệp đã nỗ lực vượt khó khăn đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách.

Trong điều kiện định mức chi tiêu hạn chế, dự toán chi chưa cao nhưng các đơn vị, địa phương đã chủ động khắc phục khó khăn thiếu thốn, chi tiêu tiết kiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác. Những kết quả đạt được đã góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh trên địa bàn và rất đáng được ghi nhận.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Trong công tác xây dựng và giao dự toán ngân sách

- Việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh: Từ năm 2017-2021 dự toán chi thường xuyên được giao trực tiếp cho các đơn vị sử dụng ngân sách. Tuy việc lập, thẩm định dự toán đối với các ngành được xây dựng thông qua ngành chủ quản, nhưng việc giao dự toán lại được giao trực tiếp cho đơn vị sử dụng ngân sách nên đơn vị chủ quản khó khăn trong việc nắm bắt và điều hành chung nhiệm vụ của ngành. Năm 2022, dự toán

đã được giao cho đơn vị dự toán cấp 1, đơn vị dự toán cấp 1 phân bổ cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp sử dụng, quản lý ngân sách sau khi lấy ý kiến của cơ quan tài chính, bảo đảm theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Việc giao dự toán thu một số địa phương, đơn vị còn chưa sát: Kết quả thực hiện đạt cao hơn nhiều so với số dự toán giao, một số khoản thu trong cân đối thực hiện nhiều năm liên tiếp không đạt dự toán giao gây hụt thu ngân sách, ảnh hưởng đến chi thường xuyên.

- Một số nội dung chi chưa được phân khai chi tiết ngay từ đầu năm, cụ thể: Các nguồn sự nghiệp như sự nghiệp giáo dục khác, sự nghiệp kinh tế khác, nguồn trung ương bổ sung do địa phương thiếu nguồn... (các năm từ 2017 - 2021); Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nhiều nội dung phân bổ chậm, như: Dự phòng đối ứng ODA, chuẩn bị đầu tư và quy hoạch, hỗ trợ doanh nghiệp, bố trí cho các công trình hoàn thành, quyết toán, trả nợ, đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Một số dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn như tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn vốn khác thuộc ngân sách tỉnh phân bổ còn chậm và chưa được cập nhật vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm ngân sách tỉnh để thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý.

- Hàng năm dự toán ngân sách tỉnh đã bố trí kinh phí cho một số nhiệm vụ đặc thù tuy nhiên do nhu cầu quá lớn, nguồn lực ngân sách tỉnh còn khó khăn nên chưa đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ đề ra như: Kinh phí thực hiện chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn; kinh phí hỗ trợ cho lực lượng kiểm lâm, bảo vệ rừng (đã bố trí từ năm 2022); Kinh phí mua sắm, sửa chữa máy móc, trang thiết bị cho ngành y tế còn hạn chế.

1.2. Trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song quá trình thực hiện dự toán vẫn bộc lộ những tồn tại, hạn chế, cụ thể:

a) Về thu ngân sách:

- Mặc dù thu ngân sách các năm giai đoạn 2017 - 2022 đều vượt dự toán tỉnh giao về tổng số, nhưng cơ cấu thu ngân sách chưa đồng đều giữa các sắc thuế; khoản thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn, thiếu ổn định và bền vững; một số khoản thu quan trọng chưa đạt dự toán cả giai đoạn như: Thu từ DNNN trung ương, thu từ DNNN địa phương, thuế bảo vệ môi trường.

- Nợ đọng thuế ở mức cao và tăng qua các năm⁵. Nợ thuế các hoạt động khai thác khoáng sản và tiền thuê đất chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số nợ thuế. Nợ khó thu hồi tương đối cao⁶. Vẫn còn thất thu thuế ở một số lĩnh vực, sắc thuế như: thương mại điện tử, khoáng sản, vận tải, du lịch, bất động sản...

⁵ Năm 2017: 321,3 tỷ đồng; năm 2018: 358,2 tỷ đồng, năm 2019: 394,8 tỷ đồng, năm 2020: 454,2 tỷ đồng, năm 2021: 528,6 tỷ đồng, năm 2022: 1.009,9 tỷ đồng.

⁶ Năm 2017: 139,4 tỷ đồng, năm 2018: 158 tỷ đồng, năm 2019: 179,7 tỷ đồng, năm 2020: 81,9 tỷ đồng, năm 2021: 41,5 tỷ đồng, năm 2022: 204 tỷ đồng.

b) Về chi ngân sách:

- Việc cấp bổ sung dự toán trong năm cho các đơn vị, địa phương còn rất lớn so với dự toán đầu năm (như năm 2018 là 38,6%, năm 2022 là 39,6%). Các nhiệm vụ chi bổ sung sau ngày 30/9 còn nhiều dẫn đến số lượng chuyển nguồn hàng năm còn cao.

- Chi chuyển nguồn qua các năm ở mức cao so với tổng chi ngân sách địa phương (*Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo*). Chuyển nguồn chi thường xuyên chủ yếu là các khoản như tăng thu, tiết kiệm chi, kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị, nguồn cải cách tiền lương, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học... Số vốn kéo dài thời gian thực hiện các dự án đầu tư XDCB chiếm khoảng 50% tổng chuyển nguồn và chiếm 14% kế hoạch bố trí mới hàng năm; vốn năm trước kéo dài sang năm sau, đến ngày 31/12 không giải ngân hết làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (khoảng 22% kế hoạch vốn). Tỷ lệ giải ngân chi đầu tư phát triển hàng năm đạt thấp, trung bình khoảng 50% kế hoạch vốn.

- Số hủy nguồn dự toán tăng qua các năm: Tổng giai đoạn 2017 - 2022 là 2.439 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn đầu tư là 2.187,2 tỷ đồng, nguồn chi thường xuyên là 251,814 tỷ đồng (*Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo*). Nguyên nhân là do một số nội dung hết nhiệm vụ chi, ngoài ra có một số khoản chi dở dang, chưa hoàn thành ...

- Chi nộp lại ngân sách cấp trên qua các năm còn cao, đáng quan tâm là khoản vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn ngân sách Trung ương quá hạn giải ngân không được phép kéo dài thời gian thực hiện, phải hoàn trả về ngân sách Trung ương năm 2022 là 166,529 tỷ đồng, trong đó có nhiều công trình dự án đang triển khai thi công dang dở, hiện nay chưa có giải pháp xử lý.

- Nợ tạm ứng quá hạn đến 30/6/2023 là 99,485 tỷ đồng, trong đó đáng lưu ý là nợ tạm ứng, khó thu hồi từ năm 2020 trở về trước nguồn ngân sách tỉnh quản lý là 21,932 tỷ đồng (*Chi tiết có Phụ lục 3 kèm theo*). Hiện vẫn còn tồn đọng số ứng trước dự toán chi thường xuyên cấp ngân sách địa phương từ các năm trước số tiền 6,1 tỷ đồng chưa được bố trí dự toán để thu hồi.

- Nhiều đơn vị không trích lập, trích lập thiếu, sử dụng không đúng mục đích và chưa hoàn trả nguồn dự phòng cải cách tiền lương⁷. Một số đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách sai chế độ, tiêu chuẩn như: chi không đảm bảo điều kiện, nguyên tắc của chế độ chi; không có trong quy chế chi tiêu nội bộ, chi vượt định mức chi, chi sai dự toán được cấp có thẩm quyền giao...

- Kinh phí dành cho nhiệm vụ cải tạo, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng sau đầu tư nhằm phát huy hiệu quả sử dụng, kéo dài tuổi thọ công trình còn hạn chế, chưa được quan tâm bố trí, đặc biệt là các công trình lớn thuộc các ngành như nông nghiệp, giao thông vận tải... Bên cạnh đó, nhu cầu cải tạo, sửa chữa cơ sở

⁷ như Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nông nghiệp, Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình, Đài Phát thanh truyền hình; Bệnh viện đa khoa: Đồng Hới, Bố Trạch, Tuyên Hóa, Lệ Thủy...

vật chất tại nhiều cơ quan, đơn vị là rất lớn, tuy nhiên từ năm 2022 trở đi, nguồn chi thường xuyên chỉ được sử dụng cho thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (theo Thông tư 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính); trong khi đó nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ hết cho các dự án mới có trọng tâm, trọng điểm mang tính động lực, kết nối, liên kết vùng, chưa dành một khoản đáng kể để bố trí kinh phí cho nhiệm vụ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng đối với các công trình đã được đầu tư lâu năm nay đã xuống cấp, hư hỏng.

1.3. Việc ban hành, triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh có liên quan đến dự toán ngân sách

- Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, áp dụng cho thời kỳ 2022 - 2025 bộc lộ một số những vấn đề còn bất cập như: tiêu chí phân bổ chưa toàn diện, có sự chênh lệch về định mức chi thường xuyên giữa các đơn vị có chức năng tương đồng, định mức chi thường xuyên thấp so với yêu cầu nhiệm vụ..., cụ thể như sau:

+ Tiêu chuẩn, định mức phân bổ chi cho sự nghiệp giáo dục: Đối với các cơ sở giáo dục cấp tỉnh tính theo tiêu chí biên chế, trong khi các cơ sở giáo dục cấp huyện, thị xã, thành phố tính theo tiêu chí số học sinh là chưa toàn diện.

+ Định mức phân bổ chi thường xuyên giữa Trung tâm y tế và Trạm y tế: Hiện nay, trạm y tế xã, phường, thị trấn trực thuộc Trung tâm y tế, cán bộ 02 đơn vị này thực hiện chức năng nhiệm vụ tương tự nhau, tuy nhiên có sự chênh lệch giữa định mức phân bổ chi thường xuyên giữa 02 đối tượng này là chưa đảm bảo công bằng.

+ Định mức phân bổ ngân sách đầu tư cho việc chống xuống cấp di tích hàng năm 5 tỷ đồng/năm là quá thấp, không đáp ứng được nhu cầu duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, chống xuống cấp di tích. Đến nay, có 56 di tích kể từ khi xếp hạng và 47 di tích khác đã xuống cấp trầm trọng nhưng chưa có kinh phí để duy tu, sửa chữa.

- Một số nghị quyết liên quan đến các chế độ, chính sách, nguồn lực thực hiện nhưng lại ban hành sau khi đã ban hành các nghị quyết về định mức chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển thời kỳ ổn định ngân sách gây khó khăn trong cân đối, điều hành ngân sách. Theo báo cáo của Sở Tài chính, mỗi năm ngân sách tỉnh phải cân đối thêm khoảng 400 tỷ đồng để thực hiện các nghị quyết liên quan đến chế độ, chính sách mà HĐND tỉnh đã ban hành. Một số Nghị quyết được ban hành mang ý nghĩa thiết thực, tuy nhiên còn chưa đầy đủ đối tượng, ban hành muộn, cụ thể như:

+ Nghị quyết 39/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 Quy định mức hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2022 - 2025 là chủ trương mang ý nghĩa về phúc lợi xã hội cao, tuy nhiên do ban hành sau khi các địa phương đã phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022 - 2025, gây khó khăn trong việc cân đối bố trí nguồn

vốn đối ứng của các địa phương cấp huyện, cấp xã; chưa có cơ chế lồng ghép các nguồn lực khác để thực hiện nghị quyết. Thực tế triển khai thực hiện, một số địa phương không thể cân đối được nguồn lực để thực hiện như huyện Minh Hoá, Tuyên Hóa.

+ Nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Quy định về hỗ trợ tăng thêm tiền ăn cho học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho sinh viên là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được ban hành có ý nghĩa thiết thực. Tuy nhiên mới áp dụng đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đang học trình độ đại học, cao đẳng theo hình thức đào tạo chính quy tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng; không quy định đối với đối tượng học trình độ trung cấp gây thiệt thòi, chưa công bằng cho đối tượng này.

+ Nghị quyết số 48/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã làm cơ sở cho các cơ sở giáo dục công lập thu khoản thu dịch vụ, tuy nhiên một số khoản thu còn chưa phù hợp như tiền bảo vệ; dịch vụ ăn, ở bán trú buổi trưa; thuê vệ sinh trường, dọn dẹp nhà vệ sinh, dụng cụ vệ sinh, nhà vệ sinh lớp học... , (do tính mức thu trên đầu học sinh nên những trường ở vùng sâu vùng xa, có số lượng học sinh ít để đủ bù đắp chi phí phải quy định mức thu phí cao hơn trường trung tâm, có đông học sinh).

+ Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (có hiệu lực từ ngày 6/6/2022) có ý nghĩa thiết thực, tuy nhiên ban hành chậm⁸, việc đã thực hiện chi trả kinh phí trong năm 2021 là không đủ cơ sở; kinh phí 6 tháng đầu năm 2022 chưa được chi trả gây thiệt thòi cho đội ngũ thực hiện.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

Việc thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về miễn, giảm nộp thuế làm giảm số thu ngân sách trên địa bàn, khó khăn cho việc thực hiện dự toán thu do HĐND tỉnh giao.

Tỉnh Quảng Bình là tỉnh có số thu ngân sách thấp, cân đối chủ yếu từ ngân sách Trung ương vì vậy ảnh hưởng đến việc thực hiện dự toán ngân sách trên địa bàn.

Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2017-2022 còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như: thiên tai, sự cố môi trường

⁸Mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế về việc quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của công tác viên dân số (có hiệu lực từ ngày 10/3/2021) tuy nhiên đến ngày 26/5/2022, UBND tỉnh mới trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này (do Sở Y tế tham mưu chậm).

biển, dịch bệnh covid-19, bất ổn về kinh tế - chính trị trên thế giới, lạm phát, áp lực giá cả tăng cao... đã tác động bất lợi đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như công tác thu ngân sách.

Quy trình lập và phân bổ dự toán trình HĐND tỉnh phê duyệt phải qua nhiều giai đoạn và liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị địa phương nên khó khăn trong công tác phối hợp.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác đánh giá, phân tích để dự báo tình hình thu ngân sách trong một số thời điểm có lúc chưa sát thực tế, chưa thực sự chủ động. Việc triển khai các đề án, quy chế phối hợp trong chống thất thu ngân sách giữa các ngành, địa phương thiếu thường xuyên, chặt chẽ. Sự phối hợp giữa các cấp các ngành trong tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong thu hồi và cưỡng chế nợ thuế còn hạn chế.

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự toán và cập nhật thông tin, bổ sung kiến thức về quản lý tài chính ngân sách đã được quan tâm nhưng chưa đầy đủ, kịp thời.

Năng lực, trách nhiệm của một số cá nhân, đơn vị chưa cao nên công tác quản lý tài chính ngân sách còn yếu, nhất là trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư XDCB ở cấp xã và một số đơn vị sự nghiệp.

Một số ngành, đơn vị, địa phương chưa thực sự tiết kiệm, thiếu chủ động trong bố trí chi tiêu; tình trạng chi vượt nguồn, vượt định mức, sai quy định vẫn xảy ra; còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào cấp trên.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương

- Kịp thời hướng dẫn cụ thể, thống nhất đối với các chương trình, dự án, đặc biệt các chương trình dự án mới triển khai thực hiện tại địa phương.

- Về xây dựng hệ thống định mức chi cho thời kỳ ổn định ngân sách mới cần xem xét ưu tiên đối với những tỉnh có điều kiện kinh tế khó khăn, chậm phát triển, dân số thấp, đường biên giới dài... Ngoài tiêu chí dân số, đề nghị bổ sung thêm các tiêu chí đối với từng lĩnh vực chi. Trong thời kỳ ổn định ngân sách, nếu ban hành thêm các chính sách làm giảm thu, tăng chi thì Trung ương cần hỗ trợ thêm kinh phí để thực hiện.

2. Đối với UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương

2.1. Đề nghị UBND tỉnh

- Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính tiếp tục rà soát, tham mưu trình HĐND tỉnh cập nhật bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm đối với các dự án sử dụng nguồn vốn như tăng thu, tiết kiệm chi... để quản lý theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

- Chỉ đạo các ngành, địa phương đôn đốc các nhà đầu tư triển khai các dự án đã được cấp phép đầu tư thực hiện đảm bảo tiến độ theo cam kết; có biện

pháp đủ mạnh đối với các dự án chậm tiến độ kéo dài, không triển khai, nợ thuế kéo dài, khó đòi cần kiên quyết xử lý, thu hồi dự án. Tăng cường công tác kiểm tra, sử dụng vốn tạm ứng đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, không để phát sinh tạm ứng quá hạn, khó thu hồi. Xử lý nghiêm các chủ đầu tư, trưởng Ban quản lý dự án có phát sinh tạm ứng quá thời hạn kéo dài; nghiên cứu giải pháp xử lý các khoản nợ tạm ứng khó thu hồi⁹;

- Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có giải pháp xử lý kịp thời, tránh lãng phí nguồn lực đã đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn dự phòng ngân sách trung ương 2018, 2019, 2020 không giải ngân đúng hạn, bị thu hồi vốn về NSTW; hiện đang dở dang không được bổ sung vốn; có nguy cơ gây lãng phí nguồn lực đã đầu tư.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát các nghị quyết HĐND đã ban hành liên quan đến chế độ, chính sách để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp về đối tượng, về định mức, về tiến độ thực hiện..., một số nghị quyết cụ thể như:

+ Rà soát, giãn thời gian thực hiện một số thiết chế văn hóa, thể thao được quy định Nghị quyết 39/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh; nghiên cứu có cơ chế lồng ghép nguồn lực thực hiện với các nguồn vốn khác như vốn Chương trình MTQG nhằm nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện.

+ Rà soát lại đối tượng áp dụng đối với nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh quy định về hỗ trợ tăng thêm tiền ăn cho học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho sinh viên là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

+ Rà soát lại Nghị quyết số 48/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

2.2. Đề nghị Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân khai chi tiết các khoản chi sự nghiệp ngay từ đầu năm, hạn chế tối đa việc bổ sung trong năm. Tăng cường hướng dẫn, rà soát trong công tác lập dự toán của các đơn vị đảm bảo bao quát hết nhiệm vụ chi, hạn chế đề xuất cấp bổ sung trong năm.

- Phối hợp với Kho bạc nhà nước trong kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi nợ tạm ứng theo quy định tại khoản 6, điều 10, Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thực hiện dự toán ngân sách đảm bảo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế. Kịp thời hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị khi có các quy định mới. Rà soát kỹ quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan đơn vị; quan tâm hơn việc thảo luận với các đơn vị khi xây dựng và giao dự toán. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc trích lập nguồn dự phòng cải

⁹ Xử lý dứt điểm việc thu hồi hoàn tạm ứng đối với các dự án tại trường Đại học Quảng Bình đã kéo dài qua nhiều năm, để treo nợ tạm ứng kéo dài số tiền hơn 1,2 tỷ đồng.

cách tiền lương. Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác tài chính, kế toán ở các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Để chuẩn bị cho thời kỳ ổn định ngân sách mới, phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát kỹ các định mức chi thường xuyên chưa phù hợp để có điều chỉnh, bổ sung như: Định mức chi hoạt động sự nghiệp giáo dục; định mức chi giữa trung tâm y tế - trạm y tế; định mức cho duy tu di tích lịch sử, văn hoá... ; Tăng kinh phí cho các nhiệm vụ chi đặc thù như kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn; kinh phí cấp cho lực lượng kiểm lâm, bảo vệ rừng; kinh phí sửa chữa, mua sắm máy móc, trang thiết bị cho ngành y tế...

2.3. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công ngay từ đầu năm để đảm bảo phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn; tham mưu điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hằng năm trước ngày 15/11 đảm bảo quy định tại điều 46, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ.

- Tập trung chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước; tập trung tháo gỡ các vướng mắc trong quản lý đầu tư và xây dựng, ... Theo dõi sát tiến độ triển khai và giải ngân các dự án đầu tư trên địa bàn, chủ động hướng dẫn cắt giảm, điều chuyển kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước từ các dự án chưa giải ngân đến sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt hơn nhằm tăng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra đối với các chủ đầu tư, nhất là chủ đầu tư cấp xã và các đơn vị sự nghiệp.

- Tham mưu cho UBND tỉnh dành một phần nguồn lực trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn mới để thực hiện việc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình sau đầu tư, nhằm phát huy hiệu quả sử dụng, kéo dài tuổi thọ các công trình kiến trúc như trụ sở các cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà làm việc; các công trình giao thông, đê điều, công trình thủy lợi....

2.4. Đề nghị với Cục thuế tỉnh

- Chú trọng công tác phân tích, đánh giá cụ thể từng địa bàn thu, từng khu vực thu, từng sắc thuế... để xây dựng dự toán thu tại các địa phương, đơn vị phù hợp với tình hình thực tế.

- Đẩy mạnh các giải pháp tăng thu ngân sách như: Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, khai thác tối đa các nguồn thu còn tiềm năng; tập trung tăng thu ngân sách từ các khoản thu chiếm tỷ trọng lớn, như: thu ngoài quốc doanh, thu tiền thuê đất,...

- Chú trọng các giải pháp chống thất thu ngân sách trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, xăng dầu, khai thác tài nguyên, khoáng sản, kinh doanh cá thể, kinh doanh nhà hàng, khách sạn,... Tiếp tục triển khai các biện pháp nhằm đẩy mạnh việc thu nợ đọng thuế, có biện pháp kiên quyết để xử lý các doanh

nghiệp nợ tiền thuê đất, nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các loại thuế, phí kéo dài.

2.5. Đề nghị Kho bạc Nhà nước tỉnh

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có các giải pháp quyết liệt nhằm thu hồi nợ tạm ứng quá hạn là 99,485 tỷ đồng, trong đó nguồn ngân sách tỉnh quản lý khó thu hồi từ năm 2020 trở về trước là 21,932 tỷ đồng.

- Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước các huyện chấn chỉnh việc tạm ứng chi thường xuyên đảm bảo đúng quy định; rà soát, phối hợp với UBND các địa phương có biện pháp thu hồi số tạm ứng chi thường xuyên 6,1 tỷ đồng.

- Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính để rút ngắn thời gian kiểm soát chi, đẩy nhanh tiến độ thanh toán, giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ thu đối với các dự án, công trình đầu tư.

2.6. Đề nghị các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Đề nghị các sở ngành, đặc biệt các sở, ngành có nhiều đơn vị trực thuộc như Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội ... tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ, nâng cao chất lượng xây dựng dự toán. Bố trí đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, không sử dụng nguồn cải cách tiền lương cho các nhiệm vụ chi khác. Rà soát các nghị quyết của HĐND tỉnh đã ban hành liên quan đến chế độ, chính sách (về đối tượng, về định mức, về tiến độ thực hiện...) để đề xuất điều chỉnh cho phù hợp.

- Đề nghị Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật để tham mưu các chính sách phù hợp, tránh trường hợp chậm triển khai, gây thiệt thòi cho các đối tượng thực hiện.

- Đề nghị UBND các huyện, thành phố, thị xã nâng cao chất lượng lập, giao và thực hiện dự toán ngân sách. Chỉ đạo các phòng chuyên môn xây dựng, thẩm tra, phê duyệt và kiểm soát chặt chẽ quy chế chi tiêu nội bộ đối với các đơn vị dự toán trực thuộc.

Trên đây là kết quả giám sát về tình hình và kết quả thực hiện dự toán ngân sách trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 đến 2022. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

TM. BAN KINH TẾ VÀ NGÂN SÁCH
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Dương Văn Hùng

